TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 28/02/2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Thắng
2. Ông Lục Viết Sang

- Thư ký phiên toà*:* Bà Lê Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Đức Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 28/02/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2018 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐST - HNGĐ ngày 13/2/2019 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị K, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt)

+ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1971 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện YT, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Trần Thị K trình bày: Chị kết hôn cùng anh P năm 1998 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Sỏi, trong quá trình chung sống do có nhiều mâu thuẫn gia đình không hạnh phúc, chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh P không thay đổi nên đến năm 2008 vợ chồng ly thân từ đó đến nay, nay chị xác định với chồng không còn hòa hợp, tình cảm không còn nên chị xin ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 29/4/1999 và Nguyễn Xuân P, sinh ngày 01/11/2005, chị không đề nghị giải quyết về con chung

Về tài sản công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn P thể hiện: Anh kết hôn cùng chị K năm 1998 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Sỏi, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu thỏa thuận đi đến hôn nhân, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận không mâu thuẫn gì. Đến năm 2008 anh bị tai nạn nên khoảng 01 năm anh có mắng chửi vợ con, đến năm 2009 chị K bỏ về nhà ngoại ở từ đó đến nay thi thoảng chị K có về thăm anh khoảng 15 phút khi đi làm xa về, vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 đến nay không quan tâm chăm sóc nhau, anh đã lên nhà ngoại đón chị K nhiều lần nhưng chị K không về. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị K xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 29/4/1999 và Nguyễn Xuân P, sinh ngày 01/11/2005 hiện hai con đang ở với chị K.

Về tài sản công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn: Chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Bị đơn: Chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Trần Thị K được ly hôn anh Nguyễn Văn P

- Về án phí: Chị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị K và anh Nguyễn Văn P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do đó Tòa án căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị K, anh P.

Về quan hệ hôn nhân: Trần Thị K kết hôn cùng anh Nguyễn Văn P trên cơ sở tự nguyện hợp pháp và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Sỏi, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian đến khoảng năm 2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi cọ vợ chồng đã ly thân từ năm 2008 đến nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị K, anh P đã trầm trọng, thời gian đã kéo dài, mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do vậy cần xử cho chị K được ly hôn anh P là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chung: Không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị K phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016. Xử:

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Trần Thị K được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Án phí: Chị Trần Thị K phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002157 ngày 25/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện